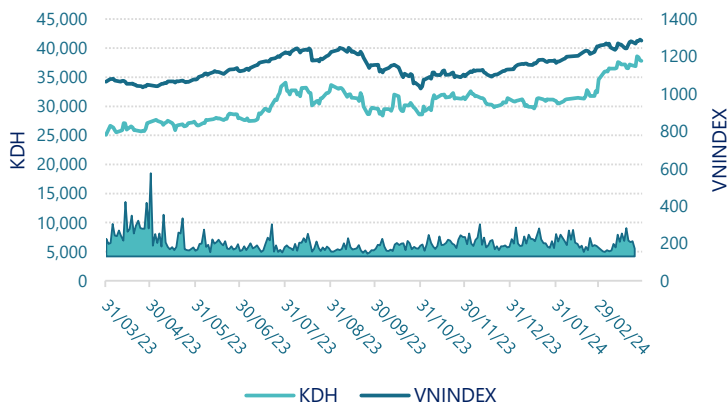




CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HSX: KDH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	37,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,091
SL cổ phiếu LH	799,311,971
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,636,840
% sở hữu nước ngoài	38.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30,214
P/E	52.1
EPS	726

DT thuần

Q1/24

334

tỷ VNĐ

QoQ: ▼135 | -28.8%

YoY: ▼91.0 | -21.4%

LN sau thuế

Q1/24

64.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.60 | 0.9%

YoY: ▼137 | -68.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

51.2%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần

2023

2,088

tỷ VNĐ

YoY: ▼824 | -28.3%

LN sau thuế

2023

730

tỷ VNĐ

YoY: ▼352 | -32.6%

ROE

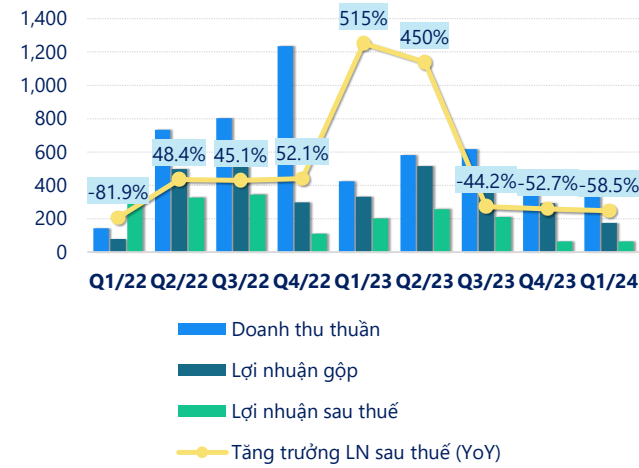
2023

5.2%

+/- YoY: ▼ 4.8%

tỷ VNĐ

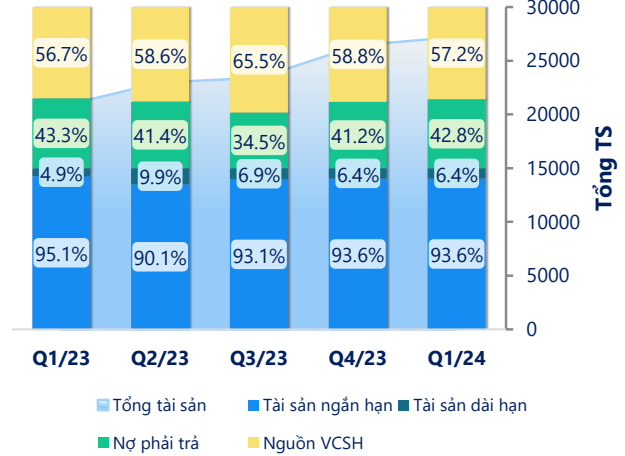
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

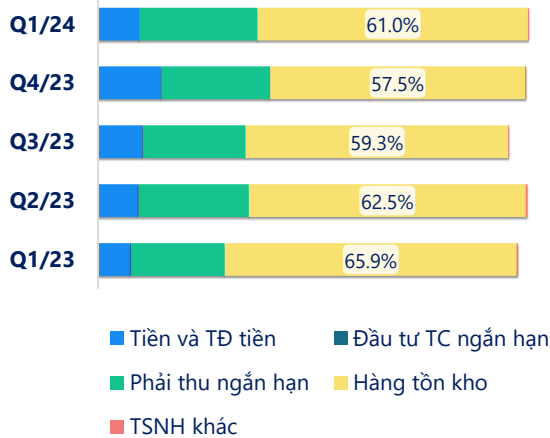
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



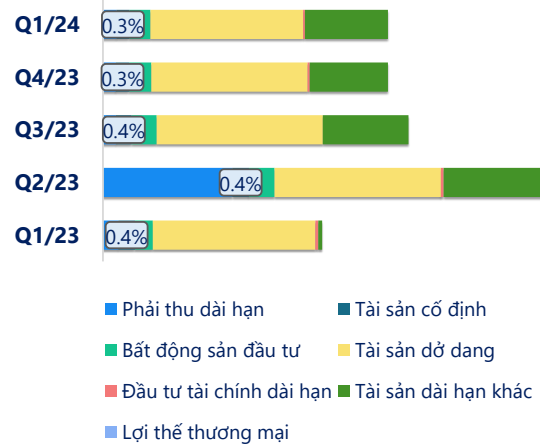
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

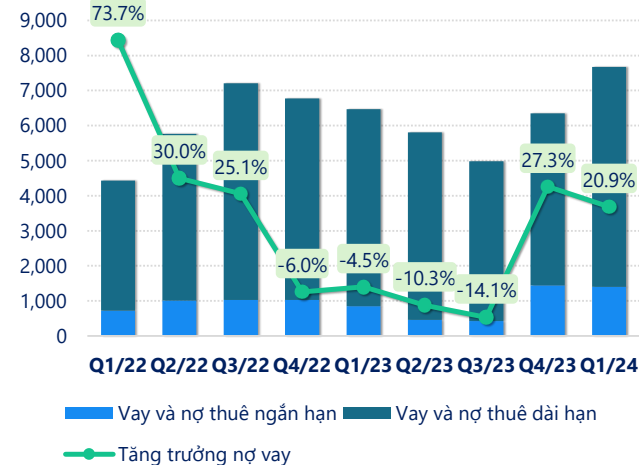
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

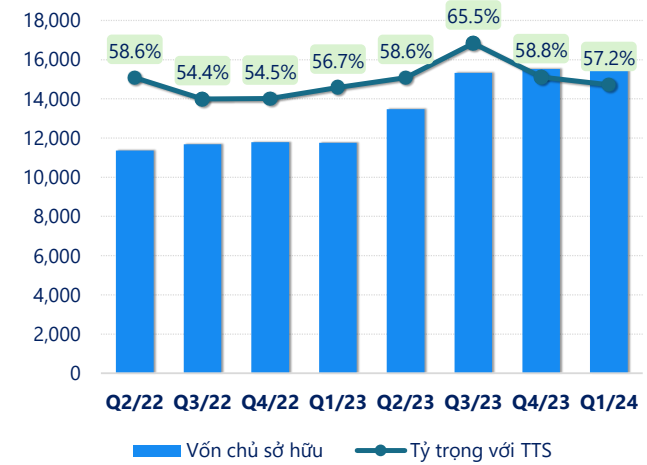
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

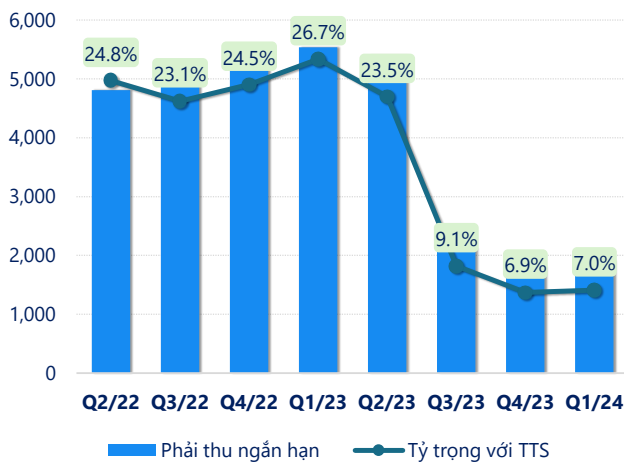
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



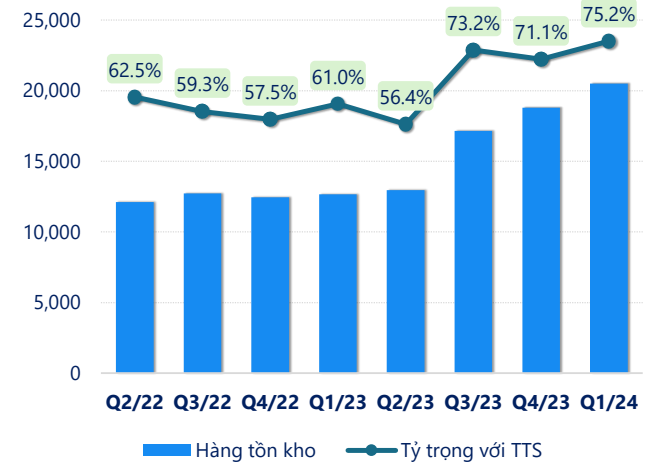
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


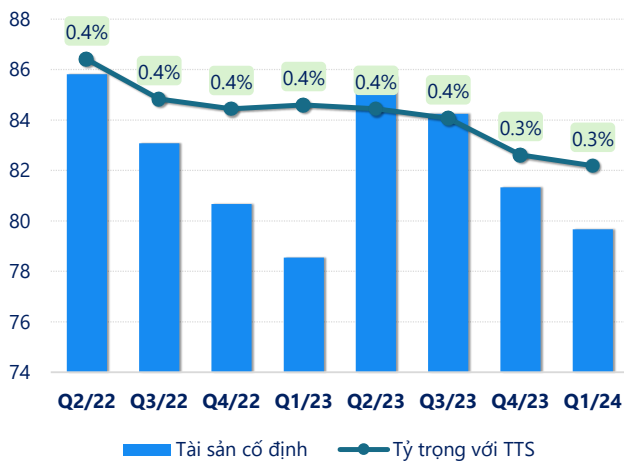
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


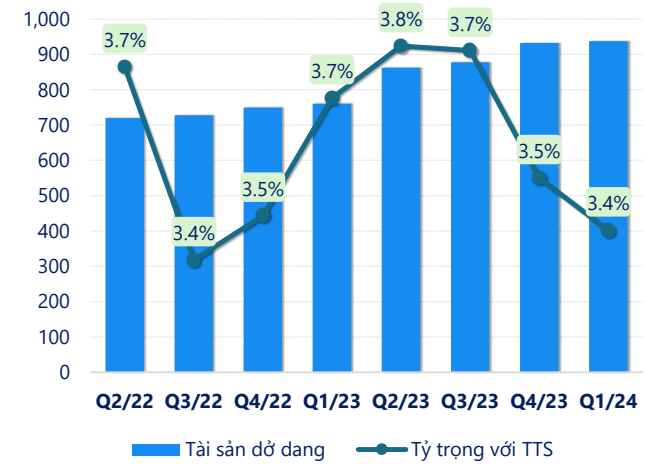
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

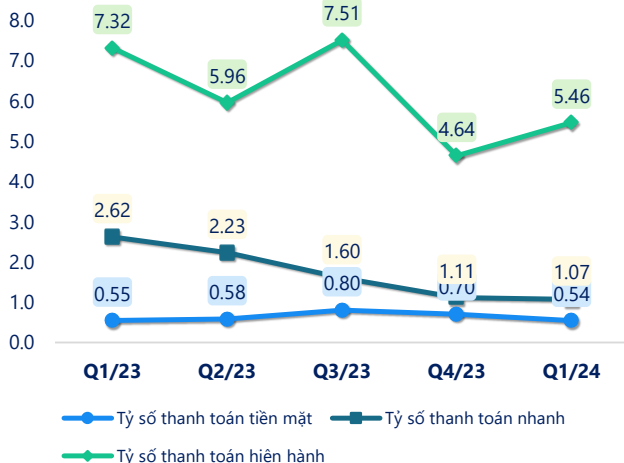
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

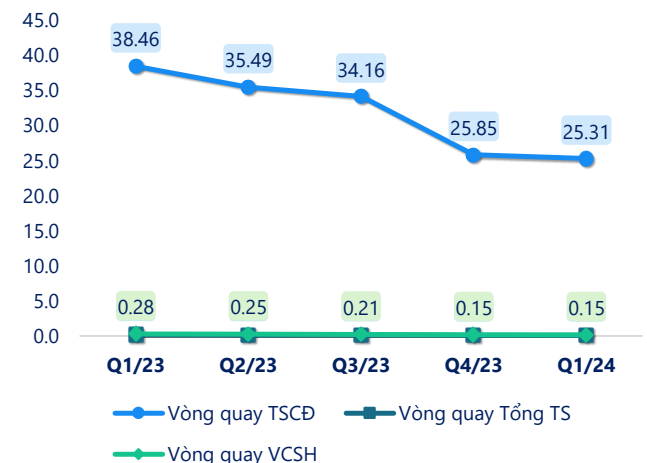
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	20,747	22,970	23,417	26,418	27,238
Tài sản ngắn hạn	19,721	20,696	21,802	24,720	25,487
Tiền và tương đương tiền	1,476	2,022	2,334	3,730	2,535
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.70	3.82	3.83	8.52	9.22
Phải thu ngắn hạn	5,536	5,394	2,131	1,811	1,918
Hàng tồn kho	12,656	12,953	17,153	18,788	20,491
Tài sản ngắn hạn khác	50.0	323	181	383	534
Tài sản dài hạn	1,027	2,274	1,615	1,698	1,751
Phải thu dài hạn	71.6	671	68.3	75.9	83.0
Tài sản cố định	78.5	85.7	84.2	81.3	79.7
Bất động sản đầu tư	83.7	133	132	131	130
Tài sản dở dang	761	862	877	933	937
Đầu tư tài chính dài hạn	14.3	14.0	0	12.0	12.0
Tài sản dài hạn khác	17.8	509	453	466	510
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	8,983	9,504	8,089	10,890	11,652
Nợ ngắn hạn	2,695	3,472	2,904	5,329	4,664
Vay và nợ thuê ngắn hạn	852	461	421	1,444	1,401
Phải trả người bán ngắn hạn	95.3	52.5	18.8	96.5	69.5
Nợ dài hạn	6,289	6,031	5,185	5,561	6,988
Vay và nợ thuê dài hạn	5,616	5,343	4,563	4,901	6,274
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,764	13,466	15,329	15,528	15,586
Vốn chủ sở hữu	11,764	13,466	15,329	15,528	15,586
Vốn điều lệ	7,168	7,168	7,168	7,993	7,993
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)